

THÀNH PHẦN LOÀI HOA, CÂY CẢNH ĐƯỢC TRỒNG Ở LÀNG HOA KIỂNG TÂN QUY ĐÔNG, THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

• ThS. Phạm Thị Thanh Mai (*)

Tóm tắt

Kết quả điều tra ban đầu về thành phần loài hoa, cây cảnh được trồng tại Làng hoa kiểng Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đã ghi nhận được 280 loài thuộc 177 chi, 74 họ và 41 bộ thuộc 3 ngành (*Polypodiophyta*, *Pinophyta* và *Magnoliophyta*). Các taxon bậc bộ, họ, chi, loài thuộc ngành *Ngoc lan* (*Magnoliophyta*) là đa dạng nhất với 270 loài, 169 chi, 67 họ và 36 bộ. Ngành *Thông* (*Pinophyta*) với 6 loài, 5 chi, 4 họ và 4 bộ. Ngành *Dương xỉ* (*Polypodiophyta*) với 4 loài, 3 chi, 3 họ và 1 bộ. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là: *Araceae*, *Asteraceae*, *Arecaceae*, *Orchidaceae*, *Rubiaceae*, *Amaryllidaceae*, *Cactaceae*. Các chi đa dạng nhất gồm: *Ficus*, *Kalanchoe*, *Rosa*, *Dracaena*, *Aglaonema*, *Anthurium*, *Bougainvillea*, *Celosia*, *Hibiscus*, *Ixora*, *Mussaenda*, *Crinum*, *Dendrobium*, *Dieffenbachia*.

Từ khóa: Thành phần loài, hoa, cây cảnh, loài, chi, họ, bộ.

1. Đặt vấn đề

Tân Quy Đông thuộc thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp có tọa độ 10°18'57" độ vĩ Bắc, 105°45'4" độ kinh Đông, cách thành phố Hồ Chí Minh 140 km về phía Tây Nam.

Làng hoa kiểng Tân Quy Đông với nghề trồng hoa, cây cảnh truyền thống được xem là cái nôi của Làng hoa kiểng Sa Đéc – một vựa hoa kiểng lớn nhất miền Nam. Ngày nay, Tân Quy Đông trồng hoa, cây cảnh với quy mô ngày càng lớn không chỉ phục vụ tiêu dùng trong những ngày lễ, tết mà còn sản xuất quanh năm để phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài nước; qua đó đã góp phần giải quyết việc làm cho cư dân trong vùng, mang lại an sinh xã hội và góp phần phát triển kinh tế – xã hội của Sa Đéc.

Trong những năm qua, địa danh Làng hoa kiểng Tân Quy Đông lan tỏa từ miền Nam ra Bắc, nơi đây không những thu hút khách thập phương đến thưởng lãm vẻ đẹp sắc hoa cây cảnh và các công trình kiến trúc mang dấu ấn thuộc địa mà còn là địa chỉ được nhiều nhà khoa học đến học tập, nghiên cứu bảo tồn và phát triển các loài hoa, cây cảnh.

Do đó, với ý thức trách nhiệm ra sức tôn tạo và phát triển bền vững Làng hoa kiểng Tân Quy Đông, cũng như góp phần vào bảo tồn đa dạng sinh học nói riêng và giới thực vật nói chung, chúng tôi bước đầu nghiên cứu thành phần loài hoa, cây cảnh nơi đây.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài hoa, cây cảnh được trồng ở Làng hoa kiểng Tân Quy Đông thuộc phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Thu thập một số tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu để vận dụng vào việc phân tích, biện luận các kết quả đạt được.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu ngoài thiên nhiên

Tiến hành khảo sát thực tế, phỏng vấn người dân trồng hoa, cây cảnh tại 30 nhà vườn ở Làng hoa kiểng Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; quan sát, mô tả, ghi chép sơ bộ về tên địa phương, đặc điểm của cây và chụp ảnh mẫu.

Dụng cụ hỗ trợ gồm có kính lúp nhỏ, máy ảnh, sổ ghi chép, viết chì, bút bi.

Phương pháp và kỹ thuật thu mẫu theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997) [8] và (2008) [9].

2.2.3. Phương pháp nghiên cứu phòng thí nghiệm

Để định loại, chúng tôi sử dụng phương pháp hình thái so sánh và dựa vào các khóa định loại, các bản mô tả trong các tài liệu [2], [3], [4], [5] và [6].

Phương pháp xây dựng danh lục: Sau khi đã xác định tên khoa học các loài hoa, cây cảnh,

(*) Khoa Sư phạm Hóa – Sinh – Kỹ thuật Nông nghiệp, Trường Đại học Đồng Tháp.

chúng tôi sắp xếp vào các họ, chi theo hệ thống phân loại của R. K. Brummitt (1992) [1].

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Đa dạng về các taxon bậc lớp, họ, chi, loài
Qua điều tra về thành phần các loài hoa, cây

cảnh được trồng tại Làng hoa kiểng Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp bước đầu đã xác định được 280 loài thuộc 177 chi và 74 họ, 41 bộ và phân bố trong các taxon sau (bảng 1).

Bảng 1. Sự phân bố taxon trong các ngành

Ngành	Lớp		Bộ		Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Polypodiophyta	1	20,0	1	2,44	3	4,05	3	1,70	4	1,43
Pinophyta	2	40,0	4	9,76	4	5,41	5	2,82	6	2,14
Magnoliophyta	2	40,0	36	87,80	67	90,54	169	95,48	270	96,43
Tổng	5	100	41	100	74	100	177	100	280	100

Số liệu ghi nhận từ bảng 1 cho thấy phần lớn các taxon tập trung trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 270 loài (chiếm 96,43%), 169 chi (chiếm 95,48%), 67 họ (chiếm 90,54%), 36 bộ (chiếm 87,80%) và 2 lớp (chiếm 40%). Hai ngành còn lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ: Ngành Thông (Pinophyta) có 6 loài (chiếm 2,14%), 5 chi (chiếm 2,82%), 4 họ (chiếm 5,41%), 4 bộ (chiếm 9,76%) và 2 lớp (chiếm 40%); ngành Dương xỉ

(Polypodiophyta) có 4 loài (chiếm 1,43%), 3 chi (chiếm 1,70%), 3 họ (chiếm 4,05%), 1 bộ (chiếm 2,44%) và 1 lớp (chiếm 20%).

a. Đa dạng bậc lớp

Sự phân bố các taxon trong lớp thuộc 3 ngành: Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta) cũng khác nhau (bảng 2).

Bảng 2. Sự phân bố các taxon lớp trong các ngành

Tên ngành	Tên lớp	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Polypodiophyta	Polypodiopsida	3	4,05	3	1,69	4	1,43
Pinophyta	Cycadopsida	1	1,35	1	0,56	1	0,35
	Pinopsida	3	4,05	4	2,26	5	1,79
Magnoliophyta	Magnoliopsida	48	64,86	110	62,15	172	61,43
	Liliopsida	19	25,68	59	33,33	98	35,0
Tổng		74	100	177	100	280	100

Như vậy, từ bảng 2 cho thấy lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số lượng taxon ở các bậc chiếm ưu thế nhất (với 172 loài, 110 chi và 48 họ) so với lớp Hành (98 loài, 59 chi và 19 họ). Đối với ngành Thông, lớp Thông (Pinopsida) có số lượng taxon phân bố ở các bậc họ, chi và loài (5 loài, 4 chi và 3 họ) đều lớn hơn so với lớp Tuế (Cycadopsida) (1 loài, 1 chi, 1 họ) nên đa dạng

hơn. Còn lớp Dương xỉ (Polypodiopsida) với số taxon (4 loài, 3 chi và 3 họ) lớn hơn so với lớp Tuế nên lớp Tuế là lớp kém đa dạng nhất.

b. Đa dạng bậc họ

Số loài điều tra được là 280 loài phân bố trong 74 họ. Tuy nhiên, sự phân bố số loài trong các họ không đồng đều (bảng 3).

Bảng 3. Các họ đa dạng nhất trong các ngành thực vật điều tra được

TT	Họ	Số loài	Tỷ lệ %
1	Araceae	25	8,93
2	Asteraceae	15	5,36
3	Rubiaceae	12	4,29
4	Amaryllidaceae	12	4,29
5	Orchidaceae	12	4,29
6	Arecaceae	12	4,29
7	Cactaceae	11	3,93
8	Apocynaceae	9	3,21
9	Euphorbiaceae	9	3,21
10	Crassulaceae	9	3,21
11	Rosaceae	6	2,14
12	Fabaceae	6	2,14
13	Acanthaceae	6	2,14
14	Dracaenaceae	6	2,14
Tổng		150	53,57

Số liệu từ bảng 3 cho thấy với 14 họ đa dạng nhất (có từ 6 – 25 loài) với tổng số loài là 150 loài (chiếm 53,57%). Họ có nhiều loài nhất là họ Ráy (Araceae) với 25 loài (chiếm 8,93%); thứ hai là họ Cúc (Asteraceae) với 15 loài (chiếm 5,36%); thứ ba gồm 4 họ có 12 loài (chiếm 4,29%) là họ Cà phê (Rubiaceae), họ Thủy tiên (Amaryllidaceae), họ Lan (Orchidaceae) và họ Cau (Arecaceae); thứ tư là họ Xương rồng (Cactaceae) với 11 loài (chiếm 3,93%); thứ năm gồm 3 họ có 9 loài (chiếm 3,21%) là họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Thầu

dầu (Euphorbiaceae), họ Thuốc bỏng (Crassulaceae); thứ sáu gồm 4 họ có 6 loài (chiếm 2,14%) là họ Hoa hồng (Rosaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Ô rô (Acanthaceae) và họ Huyết dụ (Dracaenaceae).

c. Đa dạng bậc chi

Trong số 177 chi thống kê được tại Làng hoa kiểng Tân Quy Đông thì có 14 chi đa dạng nhất (có từ 4 – 7 loài) chiếm 7,91% với 66 loài chiếm 23,57%. Kết quả được thể hiện qua bảng 4.

Bảng 4. Các chi đa dạng nhất trong các ngành thực vật điều tra được

TT	Chi	Họ	Số loài	Tỷ lệ %
1	<i>Ficus</i>	Moraceae	7	2,50
2	<i>Kalanchoe</i>	Crassulaceae	6	2,14
3	<i>Rosa</i>	Rosaceae	6	2,14
4	<i>Dracaena</i>	Dracaenaceae	5	1,78
5	<i>Aglaonema</i>	Araceae	5	1,78
6	<i>Anthurium</i>	Araceae	5	1,78
7	<i>Bougainvillea</i>	Nyctaginaceae	4	1,43
8	<i>Celosia</i>	Amaranthaceae	4	1,43
9	<i>Hibiscus</i>	Malvaceae	4	1,43
10	<i>Ixora</i>	Rubiaceae	4	1,43

11	<i>Mussaenda</i>	Rubiaceae	4	1,43
12	<i>Crinum</i>	Amaryllidaceae	4	1,43
13	<i>Dendrobium</i>	Orchidaceae	4	1,43
14	<i>Dieffenbachia</i>	Araceae	4	1,43
Tổng			66	23,57

Từ bảng trên cho thấy sự đa dạng bậc chi được sắp xếp theo mức độ giảm dần. Chi *Ficus* (7 loài, chiếm 2,50%) > *Kalanchoe*, *Rosa* (6 loài, chiếm 2,14%) > *Dracaena*, *Aglaonema*, *Anthurium* (5 loài, chiếm 1,78%) > *Bougainvillea*, *Celosia*, *Hibiscus*, *Ixora*, *Mussaenda*, *Crinum*, *Dendrobium*, *Dieffenbachia* (4 loài, chiếm 1,43%).

2.3.2. Đa dạng về dạng sống của cây hoa, cây cảnh

Dựa vào khái niệm dạng sống của E. Warm-

ing (1901): thành phần dạng sống là tập hợp các nhóm cây, mặc dù có sự khác nhau về hệ thống phân loại, nhưng đều có khả năng thích ứng với những điều kiện sống nhất định, có sự tương đồng về cấu tạo, chức năng sinh lý và tập tính sinh học [7], chúng tôi đã thống kê được 4 dạng sống chính của các loài hoa, cây cảnh được trồng ở Làng hoa kiểng Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Đó là các dạng: gỗ, thảo (gồm thảo một năm (TMN), thảo nhiều năm (TNN) và thảo thủy sinh (TTS)), bụi (cây bụi) và dây leo. Kết quả được tóm tắt trong bảng 5.

Bảng 5. Dạng sống cây hoa, cây cảnh xác định được tại Làng hoa kiểng Tân Quy Đông

Dạng sống	Gỗ	Thảo			Bụi	Dây leo	Tổng
		TMN	TNN	TTS			
Số lượng loài	64	40	121	6	38	11	280
Tỷ lệ %	22,86	14,29	43,21	2,14	13,57	3,93	100
Cây hoa	19 (29,69%)	33 (82,50%)	53 (43,8%)	6 (100%)	30 (78,95%)	5 (45,45%)	146 (52,14%)
Cây cảnh	45 (70,21%)	7 (17,50%)	68 (56,2%)	0	8 (21,05%)	6 (54,54%)	134 (47,86%)

Kết quả ở bảng 5 cho thấy nhóm cây có nhiều loài nhất là cây thân thảo (chiếm 59,64%), trong đó TNN là chiếm ưu thế (43,21%). Dạng thân thảo đa số tập trung vào nhóm cây cho hoa (92 loài/167 loài). Dạng gỗ gồm 64 loài chiếm tỷ lệ là 22,86% và dạng này ưu thế trong nhóm cây làm cảnh (45 loài, chiếm 70,21%). Dạng cây bụi chiếm ưu thế trong nhóm cây hoa (30 loài, chiếm 78,95%). Cuối cùng là dạng leo phân bố gần như đồng đều ở 2 nhóm cây hoa và cây cảnh.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu thành phần loài hoa, cây cảnh được trồng tại Làng hoa kiểng Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp bước đầu

đã thống kê được 280 loài thuộc 177 chi, 74 họ và 41 bộ thuộc 3 ngành (Polypodiophyta, Pinophyta và Magnoliophyta). Các taxon bậc loài, chi, họ, bộ thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là đa dạng nhất với 270 loài (chiếm 96,43%), 169 chi, 67 họ và 36 bộ. Ngành Thông (Pinophyta) có 6 loài (chiếm 2,14%), 5 chi, 4 họ và 4 bộ. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 4 loài (chiếm 1,43%), 3 chi, 3 họ và 1 bộ.

Trong các lớp thì lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số lượng các taxon chiếm ưu thế nhất với 172 loài (chiếm 61,43%), 110 chi (chiếm 62,15%) và 48 họ (chiếm 64,87%). Lớp Hành (Liliopsida) có số lượng các taxon gồm 98 loài (chiếm 35,0%), 59 chi (chiếm 33,33%) và 19

họ (chiếm 25,68%). Lớp Thông (Pinopsida) gồm 5 loài (chiếm 1,79%), 4 chi (chiếm 2,26%) và 3 họ (chiếm 4,05%). Lớp Tuế (Cycadopsida) gồm 1 loài (chiếm 0,35%), 1 chi (chiếm 0,56%) và 1 họ (chiếm 1,35%). Lớp Dương xỉ (Polypodiopsida) có 4 loài (chiếm 1,43%), 3 chi (chiếm 1,69%) và 3 họ (chiếm 4,05%).

Các chi đa dạng nhất gồm: *Ficus*, *Kalanchoe*, *Rosa*, *Dracaena*, *Aglaonema*, *Anthurium*, *Bougainvillea*, *Celosia*, *Hibiscus*, *Ixora*, *Mussaenda*, *Crinum*, *Dendrobium*, *Dieffenbachia*.

Các loài hoa, cây cảnh được trồng tại Làng hoa kiểng Tân Quy Đông nhiều nhất là dạng cây thân thảo với 167 loài (chiếm 59,64%), trong đó TNN là ưu thế với 121 loài (43,21%). Nhóm thứ hai là cây thân gỗ với 64 loài (chiếm 22,86%). Nhóm cây có nhiều loài thứ ba là cây thân bụi với 38 loài (chiếm 13,57%). Nhóm chiếm tỷ lệ thấp nhất là cây thân bò, leo với 11 loài (chiếm 3,93%).

Số loài cây hoa là 146 loài và số loài cây dùng làm cảnh là 134 loài./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Brummitt R. K. (1992), *Vascular Plant families and genera*, Royal Botanic Gardens, Kew.
- [2]. Võ Văn Chi, Trần Hợp (2001), *Cây cỏ có ích ở Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục.
- [3]. Võ Văn Chi (2007), *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [4]. Phạm Hoàng Hộ (1999), *Cây cỏ Việt Nam*, tập 1, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [5]. Phạm Hoàng Hộ (2003), *Cây cỏ Việt Nam*, tập 2, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [6]. Phạm Hoàng Hộ (2003), *Cây cỏ Việt Nam*, tập 3, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [7]. Vũ Trung Tạng (2000), *Cơ sở sinh thái học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [9]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Summary

The initial investigation into the species composition of flowers and decorative plants in Flower Village of Tan Quy Dong, Sa Dec, Dong Thap Province, recorded 280 species of 177 genera, 74 families and 41 orders in 3 divisions (Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta). Among those, the most diversified taxons are of Magnoliophyta. It includes 270 species, 169 genera, 67 families and 36 orders, while Pinophyta has 6 species, 5 genera, 4 families and 4 orders. Polypodiophyta has 4 species, 3 genera, 3 families and 1 order. Families of the most species are Araceae, Asteraceae, Arecaceae, Orchidaceae, Rubiaceae, Amaryllidaceae, and Cactaceae. Meanwhile, genera of the most diversified are *Ficus*, *Kalanchoe*, *Rosa*, *Dracaena*, *Aglaonema*, *Anthurium*, *Bougainvillea*, *Celosia*, *Hibiscus*, *Ixora*, *Mussaenda*, *Crinum*, *Dendrobium* and *Dieffenbachia*.

Key words: Species composition, flowers, decorative plants, species, genera, families, orders.

Ngày nhận bài: 26/9/2013; ngày nhận đăng: 03/12/2013.